Hướng dẫn soạn Skills 1 Unit 3 lớp 7: Community service SGK tập 1 trang 32 ngắn gọn, chi tiết, bám sát nội dung chương trình học giúp các em tiếp thu bài giảng một cách dễ hiểu và hỗ trợ các em ôn luyện thêm kiến thức. Mời các em và thầy cô tham khảo.

Soạn Tiếng Anh mới 7 Unit 3 – Skills 1 SGK trang 32 mới

1.Read the text about volunteer work in the United States.

(Đọc đoạn văn về công việc tình nguyện ở Mỹ.)

Hướng dẫn dịch

Ở Mỹ, hầu hết mọi người đều đã từng làm tình nguyện viên. Theo thống kê của chính phủ, khoảng một phần năm dân số Mỹ làm công việc tình nguyện hàng năm. Người Mỹ có truyền thống làm tình nguyện và giúp đỡ người khác kể từ những ngày đầu lập quốc.

Người Mỹ làm tình nguyện không phải vì họ bị ép buộc hay họ được trả tiền cho việc đó, mà vì họ thích làm những công việc đó. Những hoạt động tình nguyện truyền thống bao gồm quyên góp tiền cho người sự cần giúp đỡ, nấu ăn và phát thức ăn, làm công việc lao động tay chân (như dự án làm vệ sinh hay sửa nhà), cung cấp dịch vụ di chuyển (như chở những người già), làm gia sư hay hướng dẫn người trẻ tuổi.

2. Decide if the following statements are true (T) or false (F).

(Quyết định những câu sau là đúng (T) hay sai (F).)

1.T	2.T	3.F	4.F

Hướng dẫn dịch

1. Theo đoạn văn trên, gần như mỗi người Mỹ đều làm công việc tình nguyện trong cuộc đời của họ.

2. Mỗi năm hầu như trong 5 công việc của người Mỹ thì có 1 công việc là tình nguyện.

3. Người Mỹ đã làm công việc tình nguyện ít hơn 50 năm.

4. Người Mỹ làm tình nguyện bởi vì họ bị bắt buộc phải làm.

3. Which of the activities below are traditional volunteer activities in the United States? Tick (✓) the boxes.

(Hoạt động nào dưới đây là hoạt động tình nguyện truyền thống ở Mỹ? Đánh dấu (x) vào các ô.)

1.	2. ✓	3. ✓	4.	5. ✓	6. ✓

Speaking

4. Idea bank: Fill in the table with your ideas for volunteer activities.

(Ngân hàng ý tưởng: Hoàn thành bảng với ỷ tưởng của bạn cho câc hoạt dộng tình nguyện.)

To raise money, we could...	To provide food, we could...	To help repair things, wecould	To help people with Transportat on, we could...	To tutor youngchildren, wecould...
make souvemrs and sell them	cook food and bring it to people in need (usually the poor at the hospital or street children)	repair tables, chairs, rice cookers, electric appliances.	give rides to the elderly, accompany the disabled crossing the street	help them to do homework or teach them

5. Work in groups. Share the ideas in your idea bank with your group members. Then, use the most interesting ideas to create a new group idea bank and share it with the class.

(Làm việc theo nhóm. Chia sẻ ý kiến trong bảng ngân hàng ý tưởng của bạn với các thành viên trong nhóm. Sau đó sử dụng những ý kiến thú vị nhất để tạo một nên hàng V tưởng mới và chia sẻ nó với cả lớp.)

English	Tiếng Việt
To raise money, we could make postcards and sell them. **A**: What kind of postcards can we make? **B:** We can make birthday card, Vietnamese Women's Day card, greetings cards, New Year cards ... **C:** How can we sell them?	Để quyên góp tiền, chúng ta có thể làm bưu thiếp và bán chúng. **A**: Chúng ta có thể làm loại bưu thiếp nào? **B**: Chúng ta có thể làm thiệp sinh nhật, thiệp Ngày Phụ nữ Việt Nam, thiệp thăm hỏi, thiệp chúc mừng năm mới... **C**: Chúng ta có thê’ bán chúng bằng cách nào?

A: We could ask the bookshops, the souvenir shops, the giftshops to sell them.	**A**: Chúng ta có thể đề nghị các cửa hàng sách, cửa hàng lưu niệm, cửa hàng quà tặng bán chúng.
To provide food, we could cook food and bring it to people in need. **A**: What kind of food can we cook? **B**: We can cook rice, vegetable, fish and meat. **C**: How often can we cook for the people in need? **A**: We can cook for them once a week.	Để cung cấp đồ ăn, chúng ta có thể nấu các món ăn và mang nó cho người cần có hoàn cảnh khó khăn. **A**: Chúng ta có thể nấu loại thức ăn nào? **B**: Chúng ta có thê' nấu cơm, canh, rau, cá và thịt. **C**: Chúng ta có thê' nấu đồ ăn cho họ với tần suất như thế nào? **A**: Chúng ta có thê' nấu cho họ một lần một tuần.
To help repair things, we could repair tables, chairs, rice cookers, electric appliances. **A**: Whom should we help? **B**: We should help the old and the disabled people. **C**: How often can we help them? **A**: I think we can help them once a month	Để giúp sửa chữa đồ đạc, chúng ta có thể sửa bàn, sửa ghế, sửa nồi cơm, các đồ điện gia dụng. **A**: Chúng ta nên giúp những ai? **B**: Chúng ta nên giúp người già và người khuyết tật. **C**: Chúng ta có thể giúp họ với tần suất như thế nào? **A**: Tớ nghĩ chúng ta có thể giúp họ một tháng một lần.
To help people with transportation, we could give rides to the old and accompany the disabled crossing the street. **A**: How often can we give rides to them? **B**: 4 times a week. **C**: Where can we accompany the disabled crossingthe street.	Để giúp mọi người trong việc đi lại, chúng ta có thể đưa đón người già và giúp người khuyết tật qua đường. **A**: Chúng ta có thê' giúp họ với tần suất như thế nào? **B**: 4 lần một tuần. **C**: Chúng ta có thê' giúp người khuyết tật qua

A: I think we can help them in front of the hospital.	đường ở dâu? **A**: Tớ nghĩ chúng ta có thê' giúp họ trước cửa bệnh viện.
To tutor young children, we could help them to do homework or teach them the lesson **A**: Where could we help them? **B**: We could help them study at home or in free classes. **C**: How often could we help them? **A:** We could help them once a week	Để hướng dẫn học cho trẻ, chúng ta có thể giúp chúng làm bài tập về nhà và dạy học cho chúng. **A**: Chúng ta có thể giúp chúng ở đâu? **B**: Chúng ta có thể giúp chúng học ở nhà hoặc ở các lớp học miễn phí. **C**: Chúng ta có thê' giúp chúng với tần suất như thế nào? **A**: Chúng ta có thể giúp chúng 1 tuần 1 lần.